TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HN-PT
Ngy: 10/4/2019

V/v tranh chấp: "Chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan;

Các Thẩm phán: - Bà Lưu Thị Thu Thủy;

- Bà Lâm N Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các Ngy 08 và 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLPT-HNGĐ Ngy 03-12-2018 về tranh chấp: *"*Chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn*"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 464/2018/HNGĐ-ST Ngy 10-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2018/QĐ-PT Ngy 03/12/2018, giữa các đương sự:

*. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* <u>*Bị đơn:*</u> Anh Đặng Thành Đ, sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đặng PhúcT, sinh năm 1974; (vắng mặt)

- Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1981; (vắng mặt)

- Bà Châu Thị S, sinh năm 1950; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1984; (Xin vắng mặt)

- Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1978; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A Cách Mạng Tháng Tám, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Đặng Thành Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

*. *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:*

Anh Đ và chị N trước đây là vợ chồng đã được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 215/2016/QĐST-HNGĐ Ngy 27 tháng 7 năm 2016. Theo quyết định trên, chị N và anh Đ thống nhất tự thỏa thuận phần tài sản chung.

Ngy 15/12/2017, chị N đã có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm có:

+ 01 ngôi nhà có kết cấu: vách tường, nền gạch men, mái tol.

+ 01 chiếc xe lam.

+ Các vật dụng trong nhà: 01 bộ đi văng, 02 tủ áo bằng nhôm, 01 tủ cây để bupshe, 01 tủ cây để tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tivi hiệu Sony, 01 dàn karaoke, 01 bộ ghế salon cây, 01 bàn dài bằng inox + mặt kính + 06 ghế inox.

+ 04 con bò (02 con bò cái và 02 con bò đực), 04 con bò do anh Đ vay tiền Ngân hàng mua về chăn nuôi và chị bỏ tiền ra cất chuồng nuôi bò và chăm sóc trong thời kỳ hôn nhân, hiện anh Đ đã bán hết.

Chị yêu cầu được chia đôi các tài sản nêu trên, chị xin nhận bằng giá trị. Đối với bò thì anh Đ đã bán, chị đồng ý lấy giá trị mà anh Đ bán để chia cho chị, chị không yêu cầu định giá. Đối với các tài sản khác, chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến Ngy 18/6/2018, chị có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia quyền sử dụng đất đối với:

+ Diện tích 172m^2, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 25, đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 16710 do UBND huyện Ccấp Ngy 15/01/2013 cho anh Đ đứng tên.

+ Diện tích 768m^2, thửa đất số 97, tờ bản đồ 25, đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 16711 do UBND huyện C cấp Ngày 15/01/2013 cho anh Đ đứng tên.

Đất tại ấp B, xã L, huyện C, Tiền Giang.

Hai diện tích đất này có nguồn gốc do cha mẹ chồng cho anh Đ đứng tên. Chị yêu cầu được chia đôi hai diện tích đất này, chị nhận bằng giá trị. Chị không yêu cầu chia công sức đối với hai diện tích đất này.

* Về nợ chung: Nợ anh Đặng PhúcT là anh ruột của anh Đ số vàng 02 cây (20 chỉ) vàng 24k; nợ chị Huỳnh Thị T số tiền 50.000.000đồng; nợ chị Nguyễn Thị Bích Ng là em ruột của chị số tiền 25.000.000đồng; nợ anh Nguyễn Tấn L số tiền 100.000.000đồng; nợ chị Nguyễn Thị Kim Anh số tiền 2.000.000đồng; nợ bà Châu Thị S số vàng 01 cây (10 chỉ vàng) 24k. Nay do các chủ nợ không tranh chấp, không khởi kiện nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N thống nhất với kết quả đo đạc, định giá Ngy 08/6/2018.

**. Bị đơn anh Đặng Thành Đ trình bày:*

Anh Đ thống nhất tài sản chung vợ chồng lúc chưa ly hôn gồm có:

+ 01 ngôi nhà có kết cấu: vách tường, nền gạch men, mái tol;

+ 01 chiếc xe lam;

+ Các vật dụng trong nhà: 01 bộ đi văng, 02 tủ áo bằng nhôm, 02 tủ cây để đồ bupshe, 01 tủ cây để tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tivi hiệu Sony, 01 dàn karaoke, 01 bộ ghế salon cây, 01 bàn dài bằng inox + mặt kính + 06 ghế inox.

Đối với 02 con bò cái nuôi được 04 năm. Đây là tài sản do anh vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cđể mua. Hiện anh đã bán hai con bò với giá 19.000.000 đồng, bán thời gian khoảng tháng 12/2017 nên không còn. Chị N khai có 04 con bò là không đúng.

Nay, anh đồng ý chia đôi các tài sản trên, chia bằng hiện vật. Riêng 02 con bò cái, anh đồng ý chia nhưng yêu cầu chị N phải trả ½ tiền vay Ngân hàng vốn và lãi mà anh đã trả khoảng 51.000.000 đồng (vốn 40.000.000đồng, lãi 11.000.000đồng) vì thời điểm vay tiền vợ chồng chưa ly hôn, sau khi vay được một năm thì vợ chồng ly hôn, khi chị N bỏ đi, một mình anh phải trả số tiền nêu trên, trả hoàn tất vào tháng 06/2017.

Ngoài ra, khi chị N bỏ đi có mang theo 02 chiếc nhẫn, 01 chiếc lắc, 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông hột xoàn, mua thời điểm vợ chồng chưa ly hôn. Anh chỉ biết vậy thôi, chứ không biết trọng lượng cụ thể của từng món đồ nữ trang cũng như không biết loại vàng gì. Anh yêu cầu cô N chia ½ số vàng nêu trên. Anh không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh số vàng này.

Trước đây, anh mượn của anh trai là ĐặngPhúcT 02 cây vàng để mua xe ba gác, sau đó đổi lên xe lam. Nay, anh đồng ý chia chiếc xe thì chị N phải trả ½ số nợ này.

* Về nợ chung: Nợ anh Đặng PhúcT là anh ruột của anh số vàng 02 cây (20 chỉ) vàng 24k để mua xe ba gác, sau đó đổi lên xe lam; nợ chị Huỳnh Thị T số tiền 50.000.000đồng; nợ chị Nguyễn Thị Bích Ng là em ruột của N số tiền 25.000.000đồng; nợ anh Nguyễn Tấn L số tiền 100.000.000đồng; nợ chị Nguyễn Thị Kim Anh số tiền 2.000.000đồng; nợ bà Châu Thị S số vàng 01 cây (10 chỉ vàng) 24k. Do các chủ nợ không tranh chấp, không khởi kiện nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về quyền sử dụng đất: Diện tích 172m^2, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 25 và diện tích 768m^2, thửa đất số 97, tờ bản đồ 25, đất trồng lúa do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tại ấp B, xã L, huyện C, Tiền Giang. Nguồn gốc hai diện tích đất này của cha mẹ anh là bà Châu Thị S và ông Đặng Thanh Tùng tặng cho cá nhân anh nên đây là tài sản riêng của anh, anh không đồng ý chia theo yêu cầu chị N.

Anh Đ không thống nhất giá trị ngôi nhà định giá là 503.721.000 đồng vì giá quá cao. Thời điểm anh xây dựng nhà khoảng năm 2015 tiền cất nhà, tiền làm hàng rào, xây dựng cây cầu để đi qua nhà tổng giá trị khoảng 350.000.000 đồng nhưng anh không yêu cầu định giá lại. Đối với các tài sản khác, anh thống nhất với kết quả đo đạc định giá Ngy 8/6/2018.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng PhúcT trình bày:*

Anh là anh ruột của anh Đặng Thành Đ, anh Đ có mượn 02 cây vàng 24k, lúc đầu mượn mua xe ba gác là 01 cây vàng 24k, sau mấy tháng mượn thêm 01 cây vàng nữa để đổi xe lam. Thời gian mượn trước khi ly hôn. Chị N, anh Đ mượn không có thỏa thuận gì, không có thời gian trả. Nay, anh không tranh chấp, không yêu cầu trả trong vụ án này.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị T trình bày:*

Chị có cho chị Nguyễn Thị Bích N mượn số tiền 50.000.000đồng. Nay, chị không tranh chấp, không khởi kiện trong vụ án này.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị S trình bày:*

Bà là mẹ của anh Đặng Thành Đ, trước khi anh Đ và chị N ly hôn, bà có cho anh chị mượn 01 cây vàng 24k (10 chỉ vàng 24) do anh Đ trực tiếp mượn, mượn lần thứ nhất 05 chỉ vàng 24k để mua xe lam, lần thứ hai mượn 05 chỉ vàng 24k để trả tiền lãi cho Ngân hàng. Lúc mượn bà không có làm giấy tờ vì chổ mẹ con bà giúp vốn làm ăn. Nay, bà yêu cầu anh Đ, chị N trả 01 cây vàng 24k trong vụ án này nhưng bà không làm đơn khởi kiện, không nộp tạm ứng án phí.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn L trình bày:*

Tháng 5/2012, anh có cho vợ chồng em Nguyễn Thị Bích N và Đặng Thành Đ mượn số tiền 100.000.000đồng để mua vật liệu xây nhà khi chị N, anh Đ chưa ly hôn nhưng không có làm giấy tờ. Nay, anh không tranh chấp, không khởi kiện trong vụ án này. Sau này có tranh chấp anh sẽ kiện thành vụ kiện khác.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích Ng trình bày:*

Chị là em ruột của chị Nguyễn Thị Bích N. Trước đây, chị N có mượn số tiền 25.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngy 29/7/2014, chị có đưa cho chị N mượn một số nữ trang đeo để đi đám tiệc, mua ở tiệm vàng Kim Hoàng và Kim Tín tại Cần Thơ nhưng đến nay chưa trả lại và chị thấy chị N không có xe đi nên chị đã bán cho chị N chiếc xe Airblade màu đen, biển số 65U1-7715, do chị đứng giấy tờ xe với giá 15.000.000đồng. Nay, chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:*

Trước đây chị có cho em dâu là Nguyễn Thị Bích N mượn số tiền 2.000.000 đồng để đóng học phí cho con. Nay, chị không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết số nợ này, chị sẽ tự thỏa thuận với chị N.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 464/2018/HNGĐ-ST Ngy 10/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Áp dụng Điều 213 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 33, 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 217, 218, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngy 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N.

Anh Đặng Thành Đ được quyền sở hữu các tài sản gồm: Ngôi nhà có kết cấu: vách tường, nền gạch men, mái tol; xe lam tự chế gắn máy dầu biển số 63N-1156; 01 đi văng; 02 tủ áo bằng nhôm; 01 tủ ly bằng gỗ gõ đỏ + kính; 01 tủ cây gỗ thao lao; tủ lạnh hiệu Sanyo 220 lít; máy giặt hiệu Toshiba; 01 Tivi hiệu Sony; dàn Karaoke (gồm âm ly PA8000 Nanomax, đầu đĩa DVD Dalax 3600s); Bộ ghế salon bằng gỗ căm xe; bàn dài bằng Inox + mặt kính + 06 ghế inox (các tài sản hiện do anh Đ đang quản lý, sử dụng). Tài sản tại ấp B, xã L, huyện C, Tiền Giang.

Buộc anh Đặng Thành Đ có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Bích N ½ giá trị tài sản nêu trên là số tiền 296.730.950 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh Đ chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích N về việc tranh chấp chia diện tích 172m^2, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 25, đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 16710 do Ủy

ban nhân dân huyện C cấp Ngy 15/01/2013 cho anh Đ đứng tên và diện tích 768m^2, thửa đất số 97, tờ bản đồ 25, đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 16711 do UBND huyện C cấp Ngy 15/01/2013 cho anh Đ đứng tên.

*** Về án phí sơ thẩm:**

+ Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu số tiền 14.836.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng 8.775.000 đồng tại biên lai số 36123 Ngy 15/12/2017 và 587.000 đồng tại biên lai số 0014729 Ngy 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị N còn phải nộp tiếp số tiền 5.474.500đồng.

+ Anh Đặng Thành Đ phải chịu số tiền 14.836.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

*. Ngy 13/10/2018, bị đơn Đặng Thành Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm để anh không phải giao số tiền 295.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Bích N vì còn nợ tiền ngân hàng tòa không giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đặng Thành Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm buộc anh giao số tiền 251.565.060 đồng cho chị N và còn phần tiền thiếu nợ ngân hàng chưa được giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Bích N chấp nhận giá theo biên bản định giá lại căn nhà Ngy 22/01/2019 thành tiền là 469.390.060 đồng và tự nguyện để anh Đ tiếp tục sở hữu chiếc xe lam và số tiền bán 02 con bò là 19.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm: chia căn nhà theo biên bản định giá Ngy 22/01/2019 và ghi nhận về việc chị N tự nguyện để cho anh Đ tiếp tục sở hữu chiếc xe lam và anh Đ sở hữu số tiền bán 02 con bò là 19.000.000 đồng, anh Đ có trách nhiệm trả 24 chỉ vàng 24K mượn anhT và số tiền 51.000.000 đồng vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích Ng và anh Nguyễn Tấn L có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng PhúcT, Huỳnh Thị T, Châu Thị S, Nguyễn Thị Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ quy định của khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Thành Đ về việc anh Đ không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc anh phải có nghĩa vụ giao số tiền 295.000.000 đồng cho chị N và chưa xem xét đến số tiền anh còn nợ ngân hàng nhận thấy: Anh Đ và chị N là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn. Đến Ngy 27/7/2016 anh chị ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 215/2016/QĐST-HNGĐ Ngy 27/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về tài sản chung anh Đ và chị N thống nhất tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà có kết cấu vách tường, nền gạch men, mái tol, anh chị thống nhất định giá lại là 469.390.060 đồng; 01 chiếc xe lam tự chế máy dầu biển số 63N-1156 hiệu Vikyno = 33.000.000 đồng; Các vật dụng trong nhà: 01 bộ đi văng gỗ gõ đỏ = 2.000.000 đồng, 02 tủ quần áo bằng nhôm = 2.200.000 đồng, 01 tủ cây bằng gõ đỏ+kính = 1.080.000 đồng, 01 cây tủ bằng gỗ thao lao = 960.000 đồng, 01 tủ lạnh điện hiệu Sanyo 220 lít = 2.600.000 đồng, 01 máy giặt hiệu Toshiba = 2.000.000đồng, 01 tivi hiệu Sony = 3.800.000 đồng, 01 dàn karaok (gồm âmly PA8000 Nanomax, đầu đĩa DVD Dalax 3600s) = 3.000.000 đồng, 01 bộ ghế salon bằng căm xe = 14.400.000 đồng, 01 bộ ghế bàn dài bằng inox+mặt kính+06 ghế inox = 1.700.000 đồng và 02 con bò anh Đ đã bán 19.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 503.130.060 đồng (đã trừ 01 xe lam 33.000.000 đồng và tiền bán 02 con bò 19.000.000 đồng)

Đối với tài sản là chiếc xe lam do anh Đ mượn của anh Đặng PhúcT là anh ruột của anh Đ 20 chỉ vàng 24k để mua xe ba gác, sau đó chuyển thành xe lam. Nếu chị N yêu cầu chia thì phải trả ½ số nợ trên. Tại phiên tòa chị N để anh Đ tiếp tục sở hữu xe lam chị không yêu cầu chia và anh Đ có nghĩa vụ trả nợ cho anh Đặng PhúcT 02 cây vàng 24K là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với tài sản chung là các con bò: Chị N, anh Đ thừa nhận là 02 con bò cái có được là do anh Đ vay tiền của ngân hàng 40.000.000 đồng để mua trong thời

hạn vợ chồng còn chung sống. Đến Ngy 27/7/2016 anh, chị đã ly hôn, sau đó anh Đ bán bò bù tiền cá nhân vào và đã trả nợ cho ngân hàng tổng số là 51 triệu đồng vào Ngy 27/6/2017. Anh Đ yêu cầu nếu chia tiền bán 02 con bò cái thì chị N phải trả ½ số tiền vay Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị N để anh Đ tiếp tục sở hữu tiền bán 02 con bò là 19.000.000 đồng, không yêu cầu chia. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tất cả các tài sản trên hiện do anh Đ quản lý, sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng và hoàn trả cho chị N ½ giá trị tổng tài sản chung là phù hợp với thực tế sử dụng.

Đối với các tài sản như: Chuồng bò kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, mái tol, nền xin măng; 02 hồ nước tròn móng bê tông cốt thép không đóng cừ, đan đáy, nắp bê tông cốt thép; sân xi măng diện tích 66,66 m^2; cầu bê tông dẫn vào nhà diện tích 9,18 m^2, kết cấu trụ bê tông cốt thép, mặt đan bê tông đúc sẵn; cổng rào trụ gạch diện tích 7,04 m^2; hàng rào diện tích 40,4 m^2 kết cấu móng trụ bê tông tường xây cao 0,5 m phía trên có lưới B40. Đối với các tài sản này chị N không tranh chấp, đồng ý để anh Đ tiếp tục sở hữu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí phúc thẩm: Anh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Thành Đ. Sửa bản án bản án dân sự sơ thẩm số 464/2018/HNGĐ-ST Ngy 10/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Áp dụng Điều 213 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 33, 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 217, 218, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngy 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Bích N và anh Đặng Thành Đ, anh Đ được quyền sở hữu: 01 chiếc xe lam tự chế máy dầu biển số 63N-1156 hiệu Vikyno và tiền bán 02 con bò là 19.000.000 đồng.

Anh Đặng Thành Đ được tiếp tục sở hữu các tài sản gồm: 01 ngôi nhà có kết cấu vách tường, nền gạch men, mái tol, giá trị sử dụng còn lại 85% tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Các vật dụng trong nhà: 01 bộ đi văng gỗ gõ đỏ, 02 tủ quần áo bằng nhôm, 01 tủ cây bằng gõ đỏ+kính, 01 cây tủ bằng gỗ thao lao, 01 tủ lạnh điện hiệu Sanyo 220 lít, 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 tivi hiệu Sony, 01 dàn karaok (gồm âmly PA8000 Nanomax, đầu đĩa DVD Dalax 3600s), 01 bộ ghế salon bằng căm xe, 01 bộ ghế bàn dài bằng inox+mặt kính+06 ghế inox.

Buộc anh Đặng Thành Đ có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Bích N ½ giá trị tài sản nêu trên là 251.565.030 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh Đ chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích N về việc tranh chấp chia diện tích 172m^2, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 25, đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 16710 do Ủy ban nhân dân huyện Ccấp Ngy 15/01/2013 cho anh Đ đứng tên và diện tích 768m^2, thửa đất số 97, tờ bản đồ 25, đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 16711 do UBND huyện Ccấp Ngy 15/01/2013 cho anh Đ đứng tên.

*** Về án phí sơ thẩm:**

+ Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu số tiền 12.578.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng 8.775.000 đồng tại biên lai số 36123 Ngy 15/12/2017 và 587.000 đồng tại biên lai số 0014729 Ngy 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị N còn phải nộp tiếp số tiền 3.216.000 đồng.

+ Anh Đặng Thành Đ phải chịu số tiền 15.178.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0015128 Ngy 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cnên anh Đ còn phải nộp tiếp 14.878.000 đồng.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ Ngy hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ Ngy tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ Ngy 10/4/2019, có mặt chị N, anh Đ.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ngoan